

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường Cơ sở chế biến dầu vỏ hạt điều và các sản phẩm từ dầu vỏ hạt điều, công suất 20.000 tấn/năm tại Ấp Quân Y, xã Tân Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH Thịnh Đại Việt Nam làm chủ đầu tư đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 01/GPMT ngày 15 tháng 3 năm 2024;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 75/TTr-STNMT ngày 22 tháng 3 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Thịnh Đại Việt Nam (sau đây gọi là Chủ cơ sở; địa chỉ: Ấp Quân Y, xã Tân Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở chế biến dầu vỏ hạt điều và các sản phẩm từ dầu vỏ hạt điều, công suất 20.000 tấn/năm (sau đây gọi là Cơ sở) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở:

1.1. Tên Cơ sở: Cơ sở chế biến dầu vỏ hạt điều và các sản phẩm từ dầu vỏ hạt điều.

1.2. Địa điểm hoạt động: Ấp Quân Y, xã Tân Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên số 3801170866 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 4 năm 2018, đăng ký thay đổi lần thứ

05 ngày 04 tháng 8 năm 2020.

1.4. Mã số thuế: 3801170866.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chế biến dầu vỏ hạt điều và các sản phẩm từ dầu vỏ hạt điều.

Quy trình công nghệ sản xuất: Vỏ hạt điều → Băng cấp tải → Máy dùng ép dầu → Hệ thống bể lắng cặn → Lò chưng cất ở nhiệt độ 160⁰C → Hệ thống các bể làm nguội → Silo chứa dầu điều sau khi làm nguội dầu → Sản phẩm (1) hoặc (2) → Xuất bán.

Sản phẩm (1): Dầu điều thô, công suất 6.000 tấn/năm.

Sản phẩm (2): Dầu Cardanol được sản xuất tiếp theo như sau: Dầu điều sau khi làm nguội → Hệ thống chưng cất → Thành phẩm (dầu Cardanol loại 1, 2, 3 công suất 14.000 tấn/năm).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Cơ sở:

- Tổng diện tích là 14.038 m².
- Công suất: 20.000 tấn sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Thịnh Đại Việt Nam:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Thịnh Đại Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng

ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm**.

(từ ngày 01. tháng 4. năm 2024 đến ngày 01. tháng 4. năm 2034).

Điều 4. Quyết định số 2955/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực.

Điều 5.

Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác của các thông tin, số liệu liên quan đến việc cấp phép cho Công ty TNHH Thịnh Đại Việt Nam thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở nêu trên.

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Đồng Phú tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Giao Sở Thông tin và Truyền thông đăng công khai nội dung Giấy phép môi trường này lên Cổng thông tin điện tử tỉnh theo đúng quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 5;
- Cổng thông tin điện tử;
- LĐ VP, Phòng Kinh tế;
- Công ty TNHH Thịnh Đại Việt Nam;
- Lưu: VT_(BH-07-GPMT-27/3).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Anh Minh

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1.7.../GPMT-UBND
 ngày 01 tháng 4 năm 2024 của UBND tỉnh Bình Phước)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của công nhân tại khu vực nhà ở.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt của công nhân tại khu vực sản xuất.

Nguồn số 01 và 02 được nhập chung vào hệ thống xử lý nước thải.

Riêng đối với nước thải từ quá trình xử lý khí thải lò hơi chung cất Cardanol (phát sinh khoảng 03 m³/ngày) và quá trình xử lý khí thải lò đốt chung cất tinh dầu điều (phát sinh khoảng 02 m³/ngày): Lượng nước này được tuần hoàn và tái sử dụng liên tục. Trung bình 06 tháng xả bỏ 01 lần (khoảng 03 m³/ngày đối với quá trình xử lý khí thải lò hơi chung cất Cardanol và khoảng 02 m³/ngày đối với quá trình xử lý khí thải lò đốt chung cất tinh dầu điều). Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Suối nhỏ (không có tên) thuộc ấp Quân Y, xã Tân Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Suối nhỏ (không có tên) thuộc ấp Quân Y, xã Tân Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 1268207; Y = 574175 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 106⁰15', múi chiếu 3⁰).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 2,4 m³/ngày.đêm

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý được thoát theo đường ống nhựa PVC Ø140 mm chiều dài khoảng 80 m, dẫn ra suối nhỏ (không có tên) giáp ranh Cơ sở về hướng Nam theo phương thức tự chảy, xả mặt, ven bờ.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục, 24 giờ/ngày đêm, 300 ngày/năm.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT, cột A - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt với hệ số k = 1,2 trước khi xả vào nguồn tiếp nhận, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép
1	pH	-	5 - 9
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	36
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	60
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	600
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,2
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	6
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	36
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	12
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	6
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	7,2
11	Tổng coliforms	MPN/100 ml	3.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 2,4 m³/ngày.đêm. Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải bằng hệ thống đường ống PVC có kích thước Ø140 mm, dài khoảng 200 m để tiếp tục xử lý. Chủ cơ sở đã xây dựng 02 bể tự hoại tại khu vực văn phòng (thể tích 03 m³) và 01 bể tại khu vực phía sau xưởng sản xuất (thể tích 03 m³). Toàn bộ nước thải sinh hoạt được thu gom về hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 10 m³/ngày.đêm để xử lý.

- Nước thải sản xuất: Nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải (quá trình xử lý khí thải lò hơi chưng cất Cardanol phát sinh khoảng 03 m³/ngày và quá trình xử lý khí thải lò đốt chưng cất tinh dầu điều phát sinh khoảng 02 m³/ngày) được thu gom, tuần hoàn tái sử dụng liên tục tại bể chứa thể tích 10 m³. Định kỳ 06 tháng, Chủ cơ sở chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải từ nhà vệ sinh → Hàm tự hoại → Hồ ga → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể trung gian, khử trùng → Bể lọc áp lực → Nguồn tiếp nhận (suối nhỏ).

Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt với hệ số k = 1,2 trước khi xả ra suối nhỏ.

- Công suất thiết kế hệ thống: 10 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải: Chlorine.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Trang bị các thiết bị dự phòng (bơm, bơm định lượng...) cho hệ thống xử lý nước thải. Thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, thiết bị để kịp thời khắc phục sự cố rò rỉ, tắc nghẽn có thể xảy ra.

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và thoát nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường và khoản 6 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

2.2. Công trình xử lý chất thải cần vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải công suất 10 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Tại đầu vào hệ thống xử lý nước thải công suất 10 m³/ngày.đêm.

- Tại đầu ra hệ thống xử lý nước thải công suất 10 m³/ngày.đêm.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành, Chủ cơ sở phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép tại QCVN 14:2008/BTNMT, cột A - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt với hệ số k = 1,2.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Đảm bảo thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở, đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

Đối với nước thải từ quá trình xử lý khí thải: Trong quá trình chuyển giao nước thải, Chủ cơ sở phải thực hiện nghiêm quy định tại khoản 4 Điều 74 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ và các quy định pháp luật khác có liên quan.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, quá trình vận hành chính thức hệ thống xử lý nước thải và vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ cơ sở thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

3.4. Triển khai kịp thời các biện pháp ứng cứu, khắc phục sự cố môi trường do hoạt động xả nước thải gây ra và báo cáo kịp thời cho Sở Tài nguyên và Môi trường, cơ quan chức năng của địa phương để hỗ trợ phối hợp cùng giải quyết.

3.5. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

3.6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: Trong quá trình hoạt động, Chủ cơ sở phải nghiêm chỉnh vận hành các hệ thống xử lý chất thải như trong Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường đã nêu. Nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của Cơ sở gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan nơi có Cơ sở để chỉ đạo và phối hợp xử lý kịp thời.



Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 17.../GPMT-UBND
ngày 11 tháng 4 năm 2024 của UBND tỉnh Bình Phước)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải từ lò hơi số 01 của quá trình chưng cất Cardanol.
- Nguồn số 02: Khí thải từ lò hơi số 02 của quá trình chưng cất Cardanol.
- Nguồn số 03: Khí thải từ lò đốt chưng cất tinh dầu điều.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Tọa độ vị trí xả khí thải:

- Nguồn số 01: X = 1268327,976; Y = 574223,565.
- Nguồn số 02: X = 1268231,659; Y = 574188,878.
- Nguồn số 03: X = 1268319,145; Y = 574231,223.

(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $106^{\circ}15'$, múi chiều 3°).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: 8.500 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 02: 18.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 03: 18.000 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

Dòng khí thải số 01, 02, 03: Xả liên tục.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, $k_p = 1$ và $k_v = 1,2$); QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

STT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động
Dòng thải số 01, số 02 và số 03					
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	Thực hiện quan trắc định kỳ 06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ)
2	Bụi	mg/Nm ³	240		
3	NO _x	mg/Nm ³	1.020		
4	SO ₂	mg/Nm ³	600		
5	CO	mg/Nm ³	1.200		
6	Phenol	mg/Nm ³	19		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi số 1 được thu gom thông qua ống thu khí dẫn về hệ thống xử lý khí thải lò hơi để xử lý sau đó thải ra môi trường qua ống thải đường kính $\varnothing 400$ mm, cao 15 m tính từ mặt đất.

- Nguồn số 02: Bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi số 2 được thu gom thông qua ống thu khí dẫn về hệ thống xử lý khí thải lò hơi để xử lý sau đó thải ra môi trường qua ống thải đường kính $\varnothing 400$ mm, cao 15 m tính từ mặt đất.

- Nguồn số 03: Khí thải phát sinh từ 05 lò đốt chung cất tinh dầu điều được thu gom thông qua ống thu khí dẫn về hệ thống xử lý khí thải để xử lý sau đó thải ra môi trường qua ống thải đường kính $\varnothing 400$ mm, cao 15 m tính từ mặt đất.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

1.2.1. Hệ thống xử lý khí thải lò hơi :

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải phát sinh từ lò hơi → Quạt hút khí → Tháp hấp phụ (bằng than hoạt tính) → Tháp nước → Ống thải (thép không gỉ, đường kính $\varnothing 400$ mm, cao 15 m tính từ mặt đất).

- Công suất thiết kế: 8.500 m³/giờ và 18.000 m³/giờ.

- Số lượng: 02 hệ thống.

- Chế độ vận hành: Liên tục.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: than hoạt tính.

1.2.2. Hệ thống xử lý khí thải từ lò đốt chung cất tinh dầu điều

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Quạt hút khí → Tháp hấp phụ (than hoạt tính) → Tháp nước → Ống thải (thép không gỉ, đường kính $\varnothing 400$ mm, cao 15 m tính từ mặt đất).

- Công suất thiết kế: 18.000 m³/giờ.

- Số lượng: 01 hệ thống.

- Chế độ vận hành: Liên tục.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt quan trắc khí thải tự động, liên tục (theo khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ

thống xử lý bụi, khí thải.

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý khí thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

- Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống như:

+ Luôn trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý.

+ Trong trường hợp thiết bị gặp sự cố, nhanh chóng khắc phục sự cố và sử dụng thiết bị dự phòng cho hệ thống trong khi khắc phục sự cố.

+ Giám sát hệ thống xử lý bụi, khí thải thường xuyên để kịp thời phát hiện sự cố có thể xảy ra.

+ Trường hợp công trình, thiết bị xử lý khí thải gặp sự cố phải tạm dừng hoạt động để thay thế, sửa chữa hoặc các trường hợp sự cố kéo dài phải báo cáo người có thẩm quyền để giảm tải hoặc dừng hoạt động của các tổ máy để kiểm tra, khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường và khoản 6 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

2.2. Công trình xử lý chất thải cần vận hành thử nghiệm:

- 01 hệ thống xử lý khí thải lò hơi số 01 từ quá trình chưng cất Cardanol công suất 8.500 m³/giờ.

- 01 hệ thống xử lý khí thải lò hơi số 02 từ quá trình chưng cất Cardanol công suất 18.000 m³/giờ.

- 01 hệ thống xử lý khí thải xử lý khí thải lò đốt chưng cất tinh dầu điều công suất 18.000 m³/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Tại ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải lò hơi số 01 công suất 8.500 m³/giờ.

- Tại ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải lò hơi số 02 công suất 18.000 m³/giờ.

- Tại ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải lò đốt chưng cất tinh dầu điều công suất 18.000 m³/giờ.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành, Chủ cơ sở phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép tại QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, $k_p = 1$ và $k_v = 1,2$) và QCVN

20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Đảm bảo thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường: Các yêu cầu đối với Chủ cơ sở:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu tại mục A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải ra môi trường để thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ cơ sở thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

3.4. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: Chủ cơ sở phải trồng cây xanh trong khu vực Cơ sở đảm bảo đạt tỷ lệ tối thiểu 20% tổng diện tích Cơ sở. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh trong quá trình vận hành của Cơ sở theo đúng nội dung Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường kèm theo Giấy phép này.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số A.Đ./GPMT-UBND
ngày 04 tháng 4 năm 2024 của UBND tỉnh Bình Phước)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Khu vực máy ép dầu điều.
- Nguồn số 02: Khu vực chung cất.
- Nguồn số 03: Hệ thống xử lý khí thải lò hơi số 01.
- Nguồn số 04: Hệ thống xử lý khí thải lò hơi số 02.
- Nguồn số 05: Hệ thống xử lý khí thải lò đốt chung cất tinh dầu điều.
- Nguồn số 06: Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ X = 1268387,733; Y = 574234,334.
- Nguồn số 02: Tọa độ X = 1268275,977; Y = 574219,323.
- Nguồn số 03: Tọa độ X = 1268327,976; Y = 574223,565.
- Nguồn số 04: Tọa độ X = 1268231,659; Y = 574188,878.
- Nguồn số 05: Tọa độ X = 1268319,145; Y = 574231,223.
- Nguồn số 06: Tọa độ X = 1268333,512; Y = 574225,734

(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $106^{\circ}15'$, múi chiều 3^0).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

STT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	--	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	--	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Bố trí máy móc, thiết bị sản xuất hợp lý, tránh trường hợp các máy gây ồn cao cùng hoạt động trong cùng một khu vực. Kiểm tra, định kỳ bảo dưỡng máy móc thiết bị.

- Lắp đặt các đệm bằng cao su tại các chân máy nhằm hạn chế tiếng ồn và độ rung. Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân tại nơi phát sinh có độ ồn cao.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường: Các yêu cầu đối với Chủ cơ sở:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại mục A Phụ lục này.

2.2. Có kế hoạch thường xuyên trong việc theo dõi, bảo trì (kiểm tra độ mòn chi tiết, thường xuyên tra dầu bôi trơn, thay các chi tiết hư hỏng, kiểm tra sự cân bằng của động cơ).

2.3. Tuân thủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 17.../GPMT-UBND
ngày 24 tháng 4 năm 2024 của UBND tỉnh Bình Phước)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải nguy hại	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải nguy hại	Khối lượng (kg/năm)
1	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	08 02 04	5
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính	Rắn	16 01 06	2
3	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	Lỏng	17 02 03	100
4	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01	5
5	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	135
6	Bao bì cứng bằng nhựa (thùng, can chứa dầu, nhớt thải)	Rắn	18 01 03	160
7	Bùn thải chứa các chất nguy hại	Rắn	05 01 03	257
8	Than hoạt tính thải	Rắn	12 01 04	4.320
Tổng khối lượng				4.984

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/ngày)
1	Bã vỏ hạt điều	95.020
2	Bao bì, bao tay ni long	5
3	Cặn lắng dầu điều	15.000
4	Cặn lắng từ hệ thống xử lý khí thải	3,33
5	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	2
Tổng khối lượng		110.030,33

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/ngày)
1	Rác thải sinh hoạt	15
Tổng khối lượng		15

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị 8 thùng phuy dung tích 220 lít bên ngoài thùng được dán tên, mã chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 11,2 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Móng, đà kiềng, nền bê tông chống thấm; khung kèo thép, mái và vách ngăn xung quanh bằng tôn. Bên ngoài dán biển cảnh báo theo quy định, bên trong bố trí các thùng chứa chất thải có dán nhãn. Có trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy, ứng phó sự cố tràn đổ theo đúng quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị thùng nhựa, bao tải để lưu chứa chất thải rắn thông thường.

2.2.2. Kho lưu chứa: 11,2 m².

Thiết kế, cấu tạo của kho: Móng, đà kiềng, nền bê tông chống thấm; khung kèo thép, mái và vách ngăn xung quanh bằng tôn. Chiều cao công trình là 2 m, chiều cao lưu chứa hữu dụng là 1,5 m.

Đối với bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải: Lưu chứa trong bể chứa bằng bê tông cốt thép diện tích 9 m², kích thước 3,0 m x 3,0 m x 1,5 m, thể tích chứa tối đa là 13,5 m³.

Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị 03 thùng nhựa cứng (loại 60 lít).

2.3.2. Kho lưu chứa: 11,2 m².

Thiết kế, cấu tạo của kho: Móng, đà kiềng, nền bê tông chống thấm; khung kèo thép, mái và vách ngăn xung quanh bằng tôn. Chiều cao công trình là 2 m, chiều cao lưu chứa hữu dụng là 1,5 m.

Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Các yêu cầu đối với Chủ cơ sở:

1. Xây dựng thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện các yêu cầu về phân loại, thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại và mẫu chứng từ chất thải nguy hại theo các quy định tại Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó với sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b Khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số *A.F./GPMT-UBND*
ngày 01 tháng 4 năm 2024 của UBND tỉnh Bình Phước)

Các yêu cầu đối với Chủ cơ sở:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Cơ sở đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Nước thải phải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

Nước mưa chảy tràn phải được thu gom về bể tách dầu trước khi thoát ra ngoài môi trường. Thực hiện các biện pháp như đã trình bày trong Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường, đảm bảo dầu điều còn sót lại tại khu vực lưu chứa bã vỏ điều không thấm, chảy tràn ra ngoài.

3. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định pháp luật.

5. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Chủ cơ sở chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ hoàn công công trình xử lý chất thải, công trình xây dựng của Cơ sở.

6. Áp dụng các biện pháp quản lý, các biện pháp kỹ thuật kiểm soát triệt để, không phát tán khí thải, mùi hôi, đảm bảo chất lượng môi trường không khí bên trong Cơ sở và xung quanh Cơ sở luôn nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

7. Trong quá trình hoạt động, Chủ cơ sở phải nghiêm chỉnh vận hành hệ thống xử lý chất thải như trong Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường đã nêu. Nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của Cơ sở gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan nơi có Cơ sở để chỉ đạo và phối hợp xử lý kịp thời.

8. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.